

TRÍ VIỆT VÀ TAM HÓA - KHUNG KHÁI NIỆM VÀ THAO TÁC• Tô Duy Hợp^(*)**Tóm tắt**

Chủ đề “Trí Việt và Tam hóa” sẽ được làm sáng tỏ qua việc làm rõ các khái niệm then chốt: “Trí Việt” và “Tam hóa”, tiếp đến là bàn luận về sự cần thiết phải xây dựng cơ sở Trí Việt học, và về Tam hóa Trí Việt, tức là về Hiện đại hóa, Việt Nam hóa, và Lãnh mạnh hóa Trí Việt đương đại.

Từ khóa: Tam hóa, Trí Việt.

1. Đặt vấn đề

Trong đổi mới tư duy ở nước ta thời gian qua, người ta nói nhiều về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, toàn cầu hóa ở tầm chiến lược phát triển quốc gia và về thị trường hóa, thương mại hóa, cổ phần hóa, tư nhân hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa, đa dạng hóa, chuyên nghiệp hóa... ở tầm chương trình, dự án phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.

Nhằm phát huy thành tựu của công cuộc đổi mới và hòa nhập thế giới phát triển lãnh mạnh, đồng thời góp phần khắc phục những hạn chế như bất cập, lệch chuẩn, suy thoái trong chuyển đổi kinh tế - xã hội; Trung tâm Khoa học Tư duy (CTS) thuộc Liên hiệp Hội Việt Nam (VUSTA) trong nhiệm kỳ II (6/2016 - 6/2019) đã đề xuất hệ quan điểm “Tam hóa” (tức là Hiện đại hóa, Việt Nam hóa, Lãnh mạnh hóa) tư duy Việt nói riêng, văn hóa và xã hội Việt nói chung.

Viện Trí Việt (IVM) thuộc Liên hiệp Hội Việt Nam (VUSTA) được chuyển đổi từ Trung tâm Khoa học Tư duy (CTS), chính thức ra mắt ngày 30 tháng 6 năm 2019. Viện có sứ mệnh góp phần phát triển Trí Việt lãnh mạnh bằng nhiều hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng lý luận và khoa học đa dạng, trong đó sẽ chú trọng thực hành “Tam hóa” (tức là Hiện đại hóa, Việt Nam hóa, và Lãnh mạnh hóa) Trí Việt - yếu tố cốt lõi của con người và xã hội Việt từ xưa đến nay.

Chủ đề/vấn đề Trí Việt và Tam hóa đang trở thành trung tâm của công cuộc đổi mới sáng tạo kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa Việt trong bối cảnh gia tăng hòa nhập toàn cầu hóa nói chung, hòa nhập cách mạng công nghiệp 4.0 nói riêng. Để làm sáng tỏ quan hệ qua lại phức hợp (tức là tổng - tích hợp) giữa Trí Việt và Tam hóa, cần phải xem xét các nội

dung quan trọng sau: (1) Các khái niệm “Trí Việt” và “Tam hóa”; (2) Trí Việt học với tư cách là cơ sở lý luận, khoa học của tư duy và hành động đổi mới sáng tạo Việt; (3) Tam hóa Trí Việt - một giải pháp chiến lược phát triển lãnh mạnh, bền vững con người và xã hội Việt đương đại.

2. Nội dung**2.1. Khái niệm “Trí Việt” và “Tam hóa”****2.1.1. Trí Việt**

Cụm từ biểu đạt khái niệm “Trí Việt” là một cụm từ kép, bao gồm “Trí” và “Việt”.

Thuật ngữ biểu đạt khái niệm “Trí” có nhiều diễn ngôn đa dạng, phong phú, như: (1) Trí não (Brain) hay Trí óc (Intellect, Mental), (2) Trí năng (Mental/Intellectual Faculties), (3) Trí lực (Force of Mind), (4) Trí nhớ (Memory), (5) Trí tưởng tượng (Imagination), (6) Trí khôn (Wit, Intelligence, Intellect), (7) Trí mưu (Full of Expedient), (8) Trí dũng (Intelligent and Courageous, Wisdom and Courage), (9) Trí tuệ (Intelligent, Intellect), (10) Trí dục (Mental Education), (11) Trí thức (Intellectual, Intelligensia), (12) Trí quyển (Noosphere), (13) Trí học (Noology, Mind Studies)... (14) Tâm Trí (Mind, Heart & Mind), (15) Lý trí (Reason), (16) Dân trí (The People’s Intellectual Standards), (16) Quan trí (The Official’s Intellectual Standards), (17) Doanh trí (The Businessman’s Intellectual Standards), (18) Minh trí/Thấu trí (Wisdom), (19) Cách trí (Natural Sciences = Khoa học tự nhiên), (20) Giải trí (Relaxation, Entertainment), (21) Đấu trí (Intellectual Contest), (22) Nhất trí (Oneness of Mind), (23) Đãng trí (Forgetful, Absent-minded), (24) Rối Trí (Become/Grow turbid), (25) Quẫn trí (Become/Grow Stupid/Foolish), (26) Mù trí (Intelligent Blind = Mù lòa trí tuệ), (27) Loạn trí (Go out of one’s mind), (28) Mất trí (Lose mind)...

^(*) Viện Trí Việt.

Lưu ý, “Trí” trong tiếng Việt dịch sang tiếng Anh phải sử dụng ít nhất là 4 từ tương đương: Mind, Intellect, Intellectual, Intelligent.

“Trí” nói chung thuộc phạm trù tư duy trừu tượng (abstract thinking), đối lập với trực quan cảm tính (sensibility, emotion). Trí là một thành phần của ý thức (hữu thức), đó là lý trí đối lập với tình cảm, và ý chí với tư cách là những thành phần khác của ý thức. Trí là năng lực nhận thức lý tính (rational cognition), tạo ra kiến thức hay tri thức (knowledge, erudition), đối lập với nhận thức cảm tính (sensible cognition), tạo ra cảm giác (sense, sensation, feeling), tri giác (perception). Trí là phản ánh tinh thần (spiritual reflection), đối lập với phản ánh vật chất (material reflection), và là sáng tạo tinh thần (spiritual creation), đối lập với sáng tạo vật chất (material creation) của con người và loài người.

“Trí” có cấu trúc phức hợp, bao gồm nhiều đối/hợp thành phần, như: (1) Khách quan hoặc/ và Chủ quan, (2) Tương đối hoặc/ và Tuyệt đối, (3) Trừu tượng hoặc/ và Cụ thể, (4) Logic hoặc/ và Trực giác, (5) Logic hoặc/ và Lịch sử, (6) Phân tích hoặc/ và Tổng hợp, (7) Luận kết hoặc/ và Luận chứng, (8) Quy nạp hoặc/ và Suy diễn, (9) Chứng minh hoặc/ và Phủ bác, (10) Phản ánh hoặc/ và Sáng tạo... và có nhiều tam giác đối/hợp thành phần như: (a) Khái niệm - Phán định - Lập luận, (b) Phép hội logic - Phép tuyến logic - Phép kéo theo logic, (c) Phép tương đương - Phép thứ tự - Phép bao hàm, (d) Miêu tả - Luận kết - Luận chứng, (đ) Quy nạp - Suy diễn - Loại tỷ, (e)- Phân tích - Tổng hợp - So sánh...

“Trí” có nhiều loại hình, giữa chúng có tình trạng đối/hợp logic, như: (i) Trí chân (= Trí đúng) hoặc/ và Trí giả (= Trí sai), (ii) Trí thiện (= Trí tốt) hoặc/ và Trí ác (= Trí xấu), (iii) Trí khôn hoặc/ và Trí dại, (iv) Trí dũng hoặc/ và Trí hèn, (v) Trí thức hoặc/ và Trí ngu, (vi) Trí tự nhiên hoặc/ và Trí nhân tạo, (vii) Trí cá nhân hoặc/ và Trí tập thể, (viii) Trí kinh nghiệm hoặc/ và Trí lý thuyết, (ix) Trí dân gian hoặc/ và Trí bác học, (x) Trí thông thường hoặc/ và Trí khoa học, (xi) Trí truyền thống hoặc/ và Trí hiện đại, (xii) Trí cổ điển hoặc/ và Trí phi cổ điển, (xiii) Trí hiện đại hoặc/ và Trí hậu hiện đại, (xiv) Nhất trí hoặc/ và Đâu trí, (xv) Sáng trí hoặc/ và Mù trí... và

nhiều tam giác đối/hợp loại hình “Trí” như: (1) Trí năng - Trí lực - Trí tuệ, (2) Trí đúng - Trí tốt - Trí đẹp, (3) Trí khoa học - Trí triết học - Trí đạo học, (4) Trí truyền thống - Trí hiện đại - Trí hậu hiện đại, (5) Thể trí - Lý trí - Minh trí, (6) Dân trí - Quan trí - Doanh trí...

Thuật ngữ biểu đạt khái niệm “Việt” có nhiều ý nghĩa khác nhau:

“Việt” là tên gọi tộc người Việt (còn gọi là người Kinh), là tộc người đa số ở Việt Nam hiện nay; tộc người Kinh chỉ là một trong 54 tộc người, quen gọi là 54 dân tộc, bao gồm dân tộc đa số (dân tộc Kinh) và 53 dân tộc thiểu số (như Mường, Tày, Thái, Nùng, Dao, H’ông, Bana, Êđê, Chăm, Khome, Hoa,...). Người Việt cổ có rất nhiều loại, tạo thành “Bách Việt”; trong đó “Lạc Việt” được nhiều nhà Việt học cho là nguồn gốc tộc người của người Việt (Kinh) ngày nay.

“Việt kiều” là người gốc Việt có quốc tịch nước ngoài, như người Trung Quốc gốc Việt, người Pháp gốc Việt, người Nga gốc Việt, người Mỹ gốc Việt...

“Việt Nam” với tư cách quốc gia dân tộc là tên gọi mới xuất hiện vào thời cận đại, trước đó đã có nhiều tên gọi khác, như “Đại Việt”, “Đại Cồ Việt”. Nhà nước Việt Nam đương đại có tên gọi là “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, trước đó là “Việt Nam dân chủ cộng hòa”.

Nội dung trên ta đã xác định “Việt” với tư cách là chủ thể. Nếu quan tâm đến “Việt” với tư cách là thuộc tính hay đặc tính thì ta có thể phân biệt “Việt” theo nghĩa “Việt thường” và “Việt” theo nghĩa “Vượt”, tức là “Việt phi thường” hay “siêu Việt”...

Như vậy, thuật ngữ biểu đạt khái niệm “Trí Việt” có ý nghĩa trước hết là trí của người Việt; ở cấp độ trên cá nhân, đó là trí của dân tộc Việt, của xã hội Việt, của Nhà nước Việt nói chung, và của Nhà nước Việt Nam đương đại nói riêng. Nếu phân đôi Trí Việt ra thành 2 loại hình lớn thì ta có Trí Việt truyền thống và Trí Việt hiện đại; trong đó, Trí Việt truyền thống bao gồm Trí Việt cổ truyền, và Trí Việt tân truyền; còn Trí Việt hiện đại bao gồm Trí Việt cổ điển, và Trí Việt phi cổ điển. Trong hội nhập quốc tế hiện nay, đang xuất hiện cặp đối/hợp “Trí Việt hiện đại hoặc/ và Trí Việt hậu hiện đại”.

2.1.2. Tam hóa

Như đã đề dẫn, thuật ngữ biểu đạt khái niệm “Tam hóa” do Viện Trí Việt (IVM) kế thừa và tiếp tục phát huy quan điểm Tam hóa từ Trung tâm Khoa học tư duy (CTS). Dưới dạng khái quát, khung Tam hóa được thao tác như sau:

Với X là ký hiệu tượng trưng cho đối tượng nhất định, chẳng hạn như X = Con người, Gia đình, Kinh tế, Chính trị, Pháp luật, Văn hóa, Xã hội, Giáo dục, Y tế, Tôn giáo, Thể thao, Quân sự, Hành chính, Quản lý, Lãnh đạo, Nhận thức, Tư duy, Tư tưởng, Ý thức, Trí thức, Trí tuệ, Trí thức, Triết học, Đạo học, Khoa học... thì Khung Tam hóa X bao gồm: (1) Hiện đại hóa X, (2) Việt Nam hóa X, và (3) Lành mạnh hóa X.

Hiện đại hóa X (X Modernization) có nghĩa là X hóa thành hiện đại, với hàm ý chính là quá trình chuyển hóa từ X truyền thống (Traditional X) thành X hiện đại (Modern X); thí dụ như hiện đại hóa tư duy có nghĩa là quá trình chuyển hóa từ tư duy truyền thống (traditional thinking) thành tư duy hiện đại (modern thinking), hay như hiện đại hóa giáo dục có nghĩa là quá trình chuyển hóa từ giáo dục truyền thống (traditional education) thành giáo dục hiện đại (modern education).

Việt Nam hóa X (X Vietnamization) trước hết có nghĩa là quá trình chuyển hóa tinh hoa X du nhập thành tinh hoa của Việt Nam; thí dụ như Việt Nam hóa tư duy phương Tây có nghĩa là quá trình chuyển hóa tinh hoa tư duy phương Tây thành tinh hoa tư duy Việt Nam. Ngoài ra, Việt Nam hóa còn có nghĩa là quá trình truyền bá, quảng bá tinh hoa của Việt Nam ra khắp thế giới xung quanh; thí dụ như Việt Nam hóa tư duy có nghĩa là quá trình truyền bá, quảng bá tinh hoa tư duy Việt Nam ra khắp thế giới xung quanh hay như Việt Nam hóa giáo dục có nghĩa là quá trình truyền bá, quảng bá tinh hoa giáo dục Việt Nam ra khắp thế giới xung quanh.

Lành mạnh X (X Healthilization) có nghĩa là quá trình chuyển hóa từ X thiếu hoặc không lành mạnh thành X lành mạnh; thí dụ như lành mạnh hóa tư duy Việt Nam có nghĩa là quá trình chuyển hóa từ tư duy Việt Nam thiếu hoặc không lành mạnh thành tư duy Việt Nam lành mạnh hay như lành mạnh hóa giáo dục Việt Nam có nghĩa là quá trình

chuyển hóa từ giáo dục Việt Nam thiếu hoặc không lành mạnh thành giáo dục Việt Nam lành mạnh.

2.2. Trí Việt học

Trong khuôn khổ CTS (Centre for Thinking Science, tức là Trung tâm Khoa học tư duy) chúng tôi đã đề xuất việc xây dựng tư duy học (Thinkingogy, Thinking Studies) làm cơ sở lý luận và khoa học cho công cuộc đổi mới tư duy thành công tốt đẹp. Cũng theo hướng đổi mới sáng tạo này, trong khuôn khổ IVM (tức là Viện Trí Việt - Institute of Viet Mind) chúng tôi đề xuất kiến tạo Trí Việt học làm cơ sở lý luận và khoa học cho công cuộc đổi mới Trí Việt đi theo đường lối đúng đắn và thành công tốt đẹp.

2.2.1. Xây dựng cơ sở Trí Việt học

Trí Việt học dựa trên nền tảng kép, đó là Trí học và Việt học. Cả Trí học và Việt học đều là những bộ môn mới, hãy còn kém phát triển; do đó cần được xây dựng cơ sở lý luận - khoa học và đồng thời triển khai đồng bộ các hoạt động nghiên cứu, đào tạo và ứng dụng từ hẹp đến rộng, từ nông đến sâu, từ thấp lên cao.

Trí Việt học bao gồm 5 bộ phận hợp thành sau:

(1) Học Trí Việt (Learning of Viet Mind), tức là học hỏi, học hiểu, học tập, học hành Trí Việt.

(2) Trí Việt ký (Viet Mindography), tức là những ghi chép về Trí Việt.

(3) Trí Việt học đơn - chuyên ngành (Viet Noology/Viet Mindology), bao gồm:

(3.1) Nhập môn Trí Việt học đơn - chuyên ngành.

(3.2) Khung khái niệm và lý thuyết Trí Việt học đơn - chuyên ngành.

(3.3) Khung phương pháp luận và phương pháp Trí Việt học đơn - chuyên ngành.

(3.4) Khung chủ đề/vấn đề Trí Việt học đơn - chuyên ngành.

(3.5) Ứng dụng Trí Việt học đơn - chuyên ngành trong mọi lĩnh vực tư duy, nhận thức, và hoạt động thực tiễn.

(4) Trí Việt học liên - xuyên ngành (Mind Studies), bao gồm:

(4.1) Nhập môn Trí Việt học liên - xuyên ngành.

(4.2) Khung học - thuyết Trí Việt học liên - xuyên ngành, bao gồm:

(4.2.1) Khung học Trí Việt liên - xuyên ngành, dựa trên cơ sở Khung Tam học, đó là: Khoa học về Trí Việt (Science of Viet Mind), Triết học về Trí Việt (Philosophy of Viet Mind), Đạo học về Trí Việt (Taology of Viet Mind) và Khung Tam Triết, tức là: Triết lý Trí Việt, Triết thuyết Trí Việt, Minh Triết Trí Việt.

(4.2.2) Khung thuyết Trí Việt liên - xuyên ngành, dựa trên cơ sở Tam thuyết về Trí Việt, đó là: Thuyết biện chứng về Trí Việt (Dialectics of Viet Mind), Thuyết toàn thể về Trí Việt (Holism of Viet Mind), Thuyết khinh trọng về Trí Việt (Khinhtrongism of Viet Mind) và Tam luận tổng quát về Trí Việt, tức là: Bản thể luận về Trí Việt (Ontologism of Viet Mind), Nhận thức luận về Trí Việt (Epistemologism of Viet Mind), Phương pháp luận về Trí Việt (Methodologism of Viet Mind).

(4.3) Khung nghiên cứu Trí Việt học liên - xuyên ngành, bao gồm: (i) Nghiên cứu cơ bản về Trí Việt, (ii) Nghiên cứu ứng dụng về Trí Việt, (iii) Nghiên cứu triển khai về Trí Việt.

(4.4) Khung đào tạo Trí Việt học liên - xuyên ngành, bao gồm: (i) Đào tạo Trí Việt theo hệ trường quy (chính quy/phi chính quy), (ii) Đào tạo Trí Việt phi trường quy (tức là trong Gia đình, Cộng đồng, Tự học hành).

(5) Ứng dụng Trí Việt học liên - xuyên ngành (Application of Viet Noology/Viet Mind Studies) trong mọi lĩnh vực tư duy, nhận thức, và hoạt động thực tiễn.

2.2.2. Thành lập Viện Trí Việt

a. Tư cách pháp nhân của Viện Trí Việt

(1)- Các Quyết định của Liên hiệp hội Việt Nam: Lãnh đạo Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, gọi tắt là Liên hiệp hội Việt Nam (VUSTA) đã ký các Quyết định quan trọng sau: (i)- Quyết định về việc đổi tên Trung tâm Khoa học tư duy (CTS) thành Viện Trí Việt (IVM), số 566/QĐ-LHHVN, Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2019, nhiệm kỳ I (6/2019-6/2024); (ii)- Quyết định Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện Trí Việt, gồm 06 chương, 19 điều (có Bản Điều lệ kèm theo), số 567/QĐ-LHHVN, Hà Nội,

ngày 03 tháng 6 năm 2019; (iii)- Quyết định về việc công nhận Hội đồng quản lý Viện Trí Việt, số 568/QĐ-LHHVN. Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2019 do ông Đặng Quốc Bảo làm Chủ tịch, ông Henry Nguyễn Hữu Thái Hòa làm Phó Chủ tịch, cùng các Ủy viên: ông Tô Duy Hợp, bà Nguyễn Hồng Thuận, ông Phạm Huy Thông, ông Đặng Hữu Hưng; (iv)- Quyết định Bổ nhiệm ông Tô Duy Hợp làm Viện trưởng Viện Trí Việt, số 569/QĐ-LHHVN, Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2019; (v)- Quyết định Bổ nhiệm ông Phạm Huy Thông làm Phó Viện trưởng Viện Trí Việt, số 570/QĐ-LHHVN, Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2019; (vi)- Quyết định Bổ nhiệm bà Vũ Thị Mai làm Phó Viện trưởng Viện Trí Việt, số 571/QĐ-LHHVN, Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2019; (vii)- Quyết định Bổ nhiệm ông Henry Nguyễn Hữu Thái Hòa làm Phó Viện trưởng Viện Trí Việt, số 572/QĐ-LHHVN, Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2019. (2)- Quyết định của Bộ Khoa học và Công nghệ: Bộ Khoa học và Công nghệ chứng nhận Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ (Đăng ký lần đầu tiên, ngày 15/5/2013, đăng ký lần thứ hai, ngày 21/10/2016) và lần thứ ba, ngày 18 tháng 6 năm 2019. Tên tổ chức khoa học & công nghệ: Viện Trí Việt. Tên viết bằng tiếng nước ngoài: Institute of Viet Mind. Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài: IVM, số Đăng ký: A-1105... Cơ quan quản lý trực tiếp: Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. Người đứng đầu tổ chức: Họ và tên: Tô Duy Hợp. (3)- Quyết định của Bộ Công an.

Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu Viện Trí Việt, có giá trị sử dụng từ ngày 10 tháng 7 năm 2019.

b. Cơ cấu tổ chức Viện Trí Việt (IVM)

Hệ thống cơ cấu tổ chức của Viện Trí Việt nhiệm kỳ I (6/2019 - 6/2024) được hình dung dưới dạng tổng quát sau đây: (i) Hội đồng quản lý IVM, bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các Ủy viên; (ii) Ban lãnh đạo IVM, bao gồm: Viện trưởng, các Phó Viện trưởng; (iii) Văn phòng IVM, bao gồm: Văn phòng IVM trung ương, Văn phòng đại diện IVM tại các địa phương; (iv) Hội đồng khoa học và đào tạo Trí Việt, bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các Ủy viên; (v) Các trung tâm nghiên cứu,

đào tạo, ứng dụng Trí Việt, bao gồm: các trung tâm nhập môn Trí Việt học, các trung tâm X học tổng quát và chuyên biệt thuộc Viện Trí Việt, các trung tâm hành dụng Trí Việt⁰; (vi) Các tổ chức hỗ trợ Viện Trí Việt, bao gồm: Tạp chí Phát triển Trí Việt, Diễn đàn Trí Việt phát triển lành mạnh, Câu lạc bộ Trí Việt đổi mới sáng tạo.

c. Cơ sở văn hóa khởi nghiệp IVM

(1) Tầm nhìn IVM: Trí Việt học sáng tạo (Creative Viet Mind Studies).

(2) Sứ mệnh IVM: Góp phần phát triển Trí Việt lành mạnh; hành dụng Tam hóa, tức là Hiện đại hóa, Việt Nam hóa, Lành mạnh hóa Trí Việt.

(3) Mục tiêu IVM: Sớm đạt được danh hiệu, học hiệu, thương hiệu “Viện Trí Việt tiên phong đổi mới sáng tạo”; vì mục tiêu chung toàn xã hội: thịnh vượng, dân chủ, công bằng, văn minh hiện đại hóa.

(4) Hệ giá trị cốt lõi IVM: Hệ giá trị cốt lõi cội nguồn: Nhân - Trí - Dũng; Hệ giá trị cốt lõi tiến hóa: Trung thực - Thiết thực - Chất lượng - Hiệu quả.

(5) Nguyên tắc tổ chức IVM: Tự do đi cùng với thiết chế hóa đúng mức; dân chủ đi cùng với tập trung hóa đúng mức; đa dạng văn hóa đi cùng với nhất thể hóa đúng mức.

(6) Nguyên tắc hoạt động IVM: “Ba cùng”, tức là cùng đóng góp, cùng xây dựng, cùng phát triển lành mạnh (bao gồm phát triển toàn diện, phát triển bao trùm, phát triển hài hòa, phát triển bền vững); “Ba dám”, tức là dám nghĩ, dám nói, dám làm theo hệ giá trị: (i) của toàn nhân loại: chân (= cái đúng), thiện (= cái tốt), mỹ (= cái đẹp), lợi (ích), linh (thiên)...; (ii) của toàn dân tộc: yêu nước (cộng hòa), (chính trị) dân chủ, (dân tộc) độc lập, (dân quyền) tự do, (dân sinh) hạnh phúc...; (iii) của toàn cộng đồng: đồng thuận, đoàn kết, trách nhiệm, chia sẻ, hợp tác...; (iv) của nhân cách cá nhân: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, cần, kiệm, liêm, chính... Tam hợp, bao gồm: hợp lý (tức là hợp pháp lý, hợp luân lý, hợp chân lý); hợp tình (tức là hợp tình yêu, hợp tình thương, hợp tình nghĩa); hợp đạo (tức là hợp nhân đạo, hợp địa đạo, hợp thiên đạo).

(7) Lý tưởng IVM: Cộng đồng tam hòa, tức là: hòa bình (bao gồm hòa bình quốc gia, hòa bình

khu vực, hòa bình thế giới); hòa thuận (bao gồm hòa thuận gia đình, hòa thuận cộng đồng, hòa thuận xã hội); hòa hợp (bao gồm hòa hợp đa nhân cách, hòa hợp đa dân tộc, hòa hợp toàn nhân loại). Trí học tứ minh, bao gồm: minh trí, minh đức, minh triết, minh đạo.

2.3. Tam hóa Trí Việt

Phát triển lành mạnh⁰ Trí Việt hay phát triển Trí Việt lành mạnh sẽ tuân theo quy luật chuyển đổi kép: vừa từ Trí Việt truyền thống đến Trí Việt hiện đại, vừa từ Trí Việt hiện đại hóa kiểu cũ sang Trí Việt hiện đại hóa kiểu mới. Muốn thế, người Việt, cộng đồng người Việt, dân tộc Việt, Nhà nước Việt, xã hội Việt phải thực hiện chiến lược Tam hóa Trí Việt, bao gồm: (1) Hiện đại hóa tinh hoa truyền thống Trí Việt; (2) Việt hóa tinh hoa trí tuệ du nhập; (3) Lành mạnh hóa Trí Việt đương đại.

(1) *Hiện đại hóa tinh hoa truyền thống Trí Việt*: Hiện đại hóa ở đây được hiểu là quá trình chuyển hóa từ truyền thống đến hiện đại, theo nguyên tắc: kế thừa, phát huy, phát triển tinh hoa truyền thống Trí Việt. Tiêu biểu như quá trình hiện đại hóa tinh hoa nông nghiệp Việt, thủ công mỹ nghệ Việt, văn nghệ Việt, ẩm thực Việt, lễ hội Việt, chính trị Việt, pháp luật Việt, quân sự Việt, giáo dục Việt, y dược Việt, tín ngưỡng và tôn giáo Việt, cộng đồng làng Việt, gia đình Việt... Viện Trí Việt (IVM) sẽ xây dựng một đề án nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng tinh hoa truyền thống Trí Việt thể hiện trong “Tam quan” (tức là thế giới quan, nhân sinh quan, giá trị quan), “Tam thuật” (tức là học thuật, kỹ thuật, nghệ thuật), “Tam triết” (tức là triết lý, triết học, minh triết) của người Việt, của Nhà nước Việt, và của xã hội Việt...

(2) *Việt Nam hóa tinh hoa trí tuệ du nhập*: Việt hóa nói chung, Việt Nam hóa nói riêng ở đây trước hết được thao tác theo nguyên tắc: tiếp thu, cải biên, chuyển hóa tinh hoa trí tuệ du nhập thành tinh hoa Trí Việt. Quá trình tiếp biến, tiếp hợp tư tưởng, văn hóa, văn minh này đã diễn ra trong lịch sử Trí Việt; tiêu biểu như Tam giáo Việt hóa (tức là Nho giáo Việt hóa, Phật giáo Việt hóa, Đạo giáo Việt hóa), tôn giáo du nhập (như Công giáo, Tin lành, Hồi giáo...) Việt hóa, chế độ chính trị dân chủ cộng hòa Việt hóa, Thuyết Tam dân (Dân tộc độc

lập - Dân quyền tự do - Dân sinh hạnh phúc) Việt hóa, Tam quan khoa học (tức là Thế giới quan khoa học - Nhân sinh quan khoa học - Giá trị quan khoa học) Việt hóa, Tam thuật phương Tây (tức là Học thuật phương Tây - Kỹ thuật phương Tây - Nghệ thuật phương Tây) Việt hóa... Cần có chương trình nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng Việt hóa tinh hoa trí tuệ đương đại du nhập trong các lĩnh vực quan trọng của xã hội tổng thể như trong kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường; cũng như trong các thiết chế xã hội cơ bản và quan trọng như gia đình, kinh tế, chính trị, giáo dục, y tế, tôn giáo, thể thao, pháp luật, quân sự, khoa học; chú trọng Việt hóa thành tựu cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra hiện nay (như Số hóa, Dữ liệu lớn (Big Data), Artificial Intelligence (Trí tuệ nhân tạo), Robot hóa, Internet of Things (Siêu kết nối vạn vật)...) để sớm có Trí Việt 4.0 đủ sức hướng dẫn kiến tạo thành công quốc gia khởi nghiệp 4.0 sánh vai với các cường quốc phát triển công nghiệp 4.0 trên thế giới đương đại. Ngoài ra, Việt Nam hóa Trí Việt còn có nghĩa là người Việt, cộng đồng Việt, Nhà nước Việt tích cực, chủ động tuyên truyền, quảng bá tinh hoa Trí Việt ra khắp thế giới xung quanh.

(3) *Lành mạnh hóa Trí Việt đương đại*: Lành mạnh hóa là quá trình chuyển hóa từ tình trạng không hoặc thiếu lành mạnh sang lành mạnh. Lành mạnh hóa Trí Việt đương đại bao gồm 3 bước cơ bản sau:

(3.1) *Cải tiến Trí Việt đương đại*: Phát huy thành tựu đổi mới Trí Việt nhằm khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội do mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội kiểu cũ gây ra trong những thập niên 70-90 của thế kỷ XX, đồng thời giải quyết tốt những vấn đề mới nảy sinh khi chuyển sang mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội kiểu mới, bắt đầu từ cuối thập kỷ 80 của thế kỷ XX. Chú trọng “Giảm 3Đ”, tức là: giảm trí đóng (kín), giảm trí (tắt) định, giảm trí đặc (cứng) và đồng thời “Tăng 3M”, tức là: tăng trí mở, tăng trí mờ, tăng trí mềm.

(3.2) *Cải cách Trí Việt đương đại*: Tái cấu trúc cơ sở Trí Việt đương đại. Chú trọng chống ba “Trí” phản nhân văn, tức là: chống trí điên, chống trí đều, chống trí độc; và đồng thời xây tam “Trí”

lành mạnh, trước mắt: xây dân trí thông minh, xây quan trí sáng suốt, xây doanh trí sáng nghiệp, làm tiền đề cho về lâu về dài cùng nhau: xây trí tuệ phát triển, xây trí học[®] tinh hoa, xây trí quyền[®] lành mạnh.

(3.3) *Cách mạng Trí Việt đương đại*: Mức độ cao nhất của quá trình lành mạnh hóa Trí Việt đương đại. Đó sẽ là quá trình chuyển hóa kép của khung mẫu Trí Việt từ khung mẫu truyền thống đến khung mẫu hiện đại, và từ khung mẫu hiện đại hóa kiểu cũ sang khung mẫu hiện đại hóa kiểu mới. Đặc trưng cơ bản nhất của cách mạng Trí Việt đương đại sẽ là sự chuyển hóa từ khung mẫu Trí Việt kém phát triển (ưa chuộng đơn giản, quy giản, chia tách) sang khung mẫu Trí Việt phát triển (đủ năng lực tổng - tích hợp và liên - xuyên ngành khoa học và đời sống, lý luận và thực tiễn, đạo và đời).

3. Kết luận

Trí Việt và Tam hóa tác động lẫn nhau theo phương thức “Nước lên Thuyền nổi”: Trí Việt sáng suốt sẽ chỉ đạo Tam hóa (tức là, Hiện đại hóa, Việt Nam hóa, và Lành mạnh hóa) thành công tốt đẹp, hiệu quả; Tam hóa Trí Việt thành công sẽ làm cho Trí Việt phát triển lành mạnh và bền vững./.

Ghi chú:

① Cho đến nay đã thành lập và đi vào hoạt động các Trung tâm sau đây:

Trung tâm Khoa học Tư duy (Centre for Thinking Science, CTS): Giám đốc ThS. DN. Chuyên gia kiến tạo Trí Việt 4.0 Henry Nguyễn Hữu Thái Hòa.

Trung tâm Trí Việt học (Centre for Viet Mind Studies, CVMS): Giám đốc PGS, TS. Đặng Quốc Bảo.

Trung tâm Triết học (Centre for Philosophy, CPh): Giám đốc TS. Phạm Huy Thông.

Trung tâm Đạo học (Centre for Taology, CTa): Giám đốc GS, TS. Công Nghĩa Tu.

Trung tâm Xã hội học (Centre for Sociology, CSo): Giám đốc TS. Nguyễn Tuấn Minh.

Trung tâm Giáo dục học (Centre for Education Studies, CES): Giám đốc PGS, TS. Phạm Minh Giản.

Trung tâm Phát triển Trí Việt (Centre for Viet

Mind Development, CVMD): Giám đốc NNC. Chuyên gia Tiên hóa luận Đặng Hữu Hưng.

Trung tâm Truyền thông Trí Việt (Centre for Viet Mind Communication, CVMC): Giám đốc DN.CEO Vũ Thị Mai.

Trung tâm Khởi nghiệp Trí Việt 4.0 (Centre for Viet Mind Start up 4.0, CVMS 4.0): Giám đốc DN.ThS. Lê Thị Dung.

Trung tâm Sức khỏe Việt (Centre for Viet Health, CVH): Giám đốc BS. TS. Y tế cộng đồng Lê Thị Kim Dung.

Trung tâm hướng nghiệp (Centre for Professional Orientation, CPO): Giám đốc GS,TS. Tô Duy Hợp, Phó Giám đốc điều hành CN. Luật Nguyễn Thành Văn.

② Trong lý luận và thực tiễn, khoa học và đời sống đương đại, người ta nói và viết rất nhiều về phát triển, thậm chí có tình trạng ngộ nhận hoặc cố tình nhầm lẫn giữa phát triển (development) và tăng trưởng (growth) ở cấp làm chiến lược phát triển của Chính phủ, và các bộ, ban, ngành... Người ta cũng nói và viết nhiều về các quan điểm phát triển kiểu mới, như quan điểm phát triển toàn diện (all-round development, comprehensive development perspective), quan điểm phát triển hài hòa (harmonious development perspective), quan điểm phát triển bền vững (sustainable development perspective). Chúng tôi đề xuất quan điểm tổng-tích hợp hạt nhân hợp lý, hợp tình của các quan điểm phát triển nêu trên và gọi chung là quan điểm phát triển lành mạnh (healthy development perspective), cho rằng sự phát triển lành mạnh là sự phát triển toàn diện, hài hòa, bền vững. Một cách tương ứng, phát triển Trí Việt phải là phát triển lành mạnh Trí Việt, nghĩa là phát triển toàn diện, hài hòa, bền vững Trí Việt.

③ Xem thêm: Edgar Morin, 2008. *Phương pháp 4. Tư tưởng. Nơi cư trú, cuộc sống, tập tính, tổ chức của tư tưởng. La Méthode 4. Les Idées. Leur habitat, leur vie, leurs moeurs, leur organisation.* NXB ĐHQG Hà Nội. Phần thứ ba: Tổ chức của tư tưởng (Trí học), trang 323-499. Theo quan niệm của E. Morin thì Trí học (Noology) bao gồm 3 bộ phận cơ bản: (1) Ngôn ngữ và Ngôn ngữ học, (2) Lý tính và Logic học, và (3) Tư duy hậu kỳ (Chuẩn thức học). Thuật ngữ “Chuẩn thức học” được dịch từ tiếng Anh là “Paradigmatology”, chúng tôi dịch là “Khung mẫu học”. Thực ra, *Noology* là Trí học theo nghĩa bộ môn đơn - chuyên ngành; ngoài ra, còn có *Mind Studies* là Trí học theo nghĩa bộ môn liên - xuyên ngành. Chúng tôi cho rằng Trí học theo nghĩa đầy đủ sẽ bao gồm 5 cấp độ/thành phần cơ bản sau: (1) Học Trí (Learning of Mind), tức là học hỏi, học hiểu, học tập, học hành Trí; (2) Trí ký (Mindography), tức là ghi chép về Trí; (3) Trí học đơn - chuyên ngành (Noology), (4) Trí học liên - xuyên ngành (Mind Studies), (5) Ứng dụng Trí học đơn - chuyên ngành (Application of Noology/ Mind Studies).

④ Xem thêm: Edgar Morin, 2008. *Phương pháp 4. Tư tưởng. Nơi cư trú, cuộc sống, tập tính, tổ chức của tư tưởng. La Méthode 4. Les Idées. Leur habitat, leur vie, leurs moeurs, leur organisation.* NXB ĐHQG Hà Nội. Phần thứ hai: Cuộc sống của tư tưởng (Trí quyền), trang 221-322. Theo E. Morin thì từ Sinh quyển (Biosphere) trôi lên Nhân quyển (Anthroposphere), và trong Nhân quyển thì từ Tâm lý quyển (Psychosphere) và Xã hội quyển (Sociosphere) trôi lên Trí quyển (Noosphere). Trí quyển là Quyển lý tính, tinh thần với các “Cư dân” tiêu biểu là Tri thức khách quan (Objective Knowledge), Thông tin (Information).

VIET MIND AND THREE TRANSFORMATIONS FRAMEWORK OF CONCEPT AND ACTION

Abstract

The issue “Viet Mind and Three Transformations” is to be identified by verifying the key terms of “Viet Mind” and “Three Transformations”, followed by necessitating the construction of Viet Mind Studies and Three Transformations of Viet Mind, i.e. Modernization, Vietnamization, Healthilization of current Viet Mind.

Keywords: Three Transformations, Viet Mind.